TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Lan– *Kiểm sát viên*.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 651/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B – sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: đường S, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Tuyết N – sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/2/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Tuyết N tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận B nay là phường

T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình cha mẹ ông. Sau đó chuyển về nhà cha mẹ bà N sinh sống để thuận tiện trong việc chăm sóc cho bà N sinh con. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong tôn giáo, bà N theo đạo công giáo, ép buộc ông phải theo và làm đúng những yêu cầu của bà N. Do đó ông nhận thấy bị gò bó không thoải mái về tinh thần nên ông không đồng ý. Nên vợ chồng sinh ra bất hòa, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cãi vã. Vợ chồng không thống nhất trong cách chăm sóc, giáo dục con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên không sống chung nhà từ năm 2021 đến nay. Ông chuyển ra ngoài sống riêng, hai bên không qua lại hay nói chuyện gì với nhau. Nay ông nhận thấy vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị Tuyết N có lời khai thể hiện:

Bà và ông B tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận B nay là phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ bà N, địa chỉ đường N, phường T, quận P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng gần 03 năm trở lại đây ông B ra ngoài ở nhiều hơn, ít ngủ ở nhà. Bản thân bà cũng không hỏi ông B hiện ở đâu. Do bà bận chăm con bị ốm (bệnh bại não bẩm sinh) nên không có thời gian quan tâm đến ông B. Nay con bà đã qua đời năm 2022, bà mong muốn được quan tâm chăm sóc đến ông B nhiều hơn. Do đó ông B xin ly hôn, bà không đồng ý. Bà mong muốn có một gia đình đầy đủ cả cha mẹ để con cái phát triển tốt hơn, yên tâm học hành.

Về quan hệ con chung : Ông B, bà N cùng khai có 01 con chung là Lê Quốc A sinh năm 2002. Con của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông bà xin tự giải quyết

Nợ chung: Ông bà khai không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Bùi Thị Tuyết N nhưng bà N vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng ông B, bà N chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Bà N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên bà mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân để vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng, giáo dục con. Nay ông B yêu cầu ly hôn, bà N không đồng ý. Thực tế vợ chồng ông B, bà N không sống chung nhà, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông B là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Ông B, bà N cùng khai có 01 con chung là Lê Quốc A, sinh năm 2002. Con của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Ông bà xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung : Ông bà khai không có, do đó không xem xét

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Lê Văn B, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do bà N hiện đang cư ngụ tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B (Nay là phường T, quận P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2002, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Tuyết N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông B nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Bà N không đồng ý ly hôn vì muốn duy trì quan hệ hôn nhân để vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng, giáo dục con.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian ông B, bà N chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện ông B, bà N không sống chung nhà, vợ chồng không trao đổi hay bàn bạc những vấn đề liên quan đến gia đình. Ông B, bà N không có tiếng nói chung, luôn xảy ra xung đột. Mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông B, bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Mặt khác, bà N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. bà N chỉ muốn duy trì quan hệ hôn nhân để con có cha mẹ đầy đủ và cùng nhau nuôi dưỡng giáo dục con chứ không xuất phát vì tình yêu thương. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn . Qua đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".Thực tế bà N, ông B không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà N là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Ông bà xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung : Ông bà khai không có nên không xem xét.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B được ly hôn với bà Bùi Thị Tuyết N. Quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà N theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 11 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B (Nay là phường T, quận P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2002, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Ông bà xin tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung : Ông bà khai không có

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng ông Lê Văn B chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0037070 ngày 08/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.P ;
- Chi cục THA DS Q.P ;
-UBND P T, Q P
TP Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương